

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT-QLCL
V/v thông báo kết quả phúc khảo bài thi
tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học
2025-2026

Đà Nẵng, ngày tháng 7 năm 2025

- Kính gửi:
- Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn;
 - Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến;
 - Các trường THPT công lập.

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông (THPT) năm học 2025-2026; Quyết định số 355/QĐ-SGDĐT ngày 08/4/2025 của Giám đốc Sở GDĐT về việc ban hành Quy định tổ chức Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 trung học phổ thông năm học 2025-2026; Căn cứ kết quả chấm phúc khảo của Ban Phúc khảo bài thi tuyển sinh lớp 10, Sở GDĐT thông báo kết quả phúc khảo bài thi Kỳ thi tuyển sinh lớp 10 THPT năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

1. Bài thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT

a) Số lượng bài thi đề nghị phúc khảo: 726 bài thi, cụ thể:

Môn thi	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán
Số bài thi	290	218	220

b) Kết quả phúc khảo: Phụ lục 1 đính kèm.

2. Bài thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT chuyên Lê Quý Đôn

a) Số lượng bài thi đề nghị phúc khảo: 61 bài, cụ thể:

Môn thi	Toán	Ngữ văn	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	Tin học	Tiếng Anh
Số bài thi	08	03	01	06	07	01	02	03

b) Kết quả phúc khảo: Phụ lục 2 đính kèm.

3. Căn cứ kết quả chấm phúc khảo Sở GDĐT sẽ có quyết định xét tuyển bổ sung đối với các trường hợp thí sinh đạt điểm chuẩn theo nguyện vọng đã đăng ký

Từ ngày 31/7/2025 đến ngày 05/8/2025, các trường hợp thay đổi kết quả tuyển sinh sau phúc khảo liên hệ với trường THPT để xác nhận nhập học.

Nhận được Công văn này, Sở GDĐT yêu cầu thủ trưởng các đơn vị, trường học thông báo rộng rãi kết quả chấm phúc khảo để phụ huynh, học sinh được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- www.danang.edu.vn;
- Lưu: VT, QLCL.

GIÁM ĐỐC

Lê Thị Bích Thuận

thitta-31/07/2025 14:06:27-thitta-thitta-thitta

Phụ lục 1

(Đính kèm Công văn số: /SGDDT-QLCL ngày / 7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO BÀI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2025-2026

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
1	040539	Ngô Văn Duy Vũ	x			3			16
2	040425	Nguyễn Thị Anh Thư	x	x	x	4,5	1,13	3	15,63
3	040452	Trần Minh Toàn	x	x	x	1,5	3,5	3,75	15,5
4	040283	Nguyễn Thảo Nguyên	x			4,25			16,13
5	040530	Võ Quốc Việt	x	x	x	2	3	3,75	15,75
6	040455	Phạm Xuân Tới	x			3,25			16
7	040493	Nguyễn Thị Phương Trúc	x	x	x	3,25	1,75	4	16
8	040537	Hoàng Đỗ Nguyên Vũ	x	x	x	2,5	4,25	1,75	15,5
9	040135	Nguyễn Anh Huy	x	x	x	2,75	2,5	3,25	15,75
10	040152	Nguyễn Thị Ngọc Huyền		x	x		2,25	3,5	15,5
11	051372	Nguyễn Thái Bảo Trân	x	x	x	3	1,5	3,25	16,75
12	050936	Lê Nguyễn Uyên Như	x	x	x	3,5	4,13	2,5	18,13
13	051480	Phan Huỳnh Phương Uyên	x	x	x	3	3,5	2,5	18
14	051439	Nguyễn Thị Tuyền	x	x	x	4	2	4,75	18,25
15	051360	Văn Nguyễn Bảo Trâm	x	x	x	5	2	4	18
16	051029	Nguyễn Văn Quang	x		x	4,25		4	18,25
17	051193	Huỳnh Văn Đức Thiện		x			1,25		22,75
18	050185	Lê Hoàng Ngọc Dung	x	x	x	3,25	2,25	3,25	16,5
19	050380	Nguyễn Thị Kim Hoa	x	x	x	5	2,75	1,75	18
20	051194	Nguyễn Phước Thiện	x	x	x	5	2	2,75	18,25
21	051070	Dương Nguyễn Tú Quỳnh	x	x	x	5,5	1	3,5	18

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
22	051428	Nguyễn Duy Thanh Tuấn	x	x	x	3,5	3,75	2,75	18
23	050308	Mai Thị Bích Hạnh	x	x	x	3	4	3,75	18,25
24	050338	Vương Khả Hân	x	x	x	5	1,75	1,75	15,25
25	050900	Nguyễn Thị Hồng Nhi	x			3,75			18,25
26	050829	Đặng Đức Nguyên			x			3,75	19,25
27	051318	Lê Phan Yên Trang	x	x	x	4,75	2,25	2,75	18,25
28	050763	Lê Nguyễn Quỳnh Ngân	x	x	x	4	2,88	2,5	18,13
29	050695	Hứa Văn Quang Minh	x	x	x	4,25	3	3,5	18,25
30	050001	Đinh Thị Hoài An	x	x	x	5,5	1,5	2	17
31	050655	Đinh Trọng Lộc	x	x		2,5	4		18,25
32	050570	Lê Thị Minh Khuê	x	x	x	6,75	4,5	5	25,5
33	082067	Hoàng Thiên Trường	x			5			33,5
34	080136	Bùi Nguyễn Thiên Ân	x	x	x	7,5	8,25	6,75	32,5
35	051188	Võ Đức Thắng		x			3,5		23,25
36	050431	Mai Đăng Huy		x			2,63		21,88
37	050810	Nguyễn Trần Bảo Ngọc	x	x		5	5,25		25,5
38	051346	Nguyễn Thị Bích Trâm		x	x		5,38	6	24,88
39	050346	Võ Trần Hiếu Hậu	x			4			25,38
40	051182	Hoàng Đức Thắng		x			4,75		29,75
41	050821	Trương Bảo Ngọc	x			5			25,25
42	011445	Lê Anh Tuấn	x	x	x	2,25	2,5	1	14,75
43	011372	Đặng Thùy Bảo Trân	x	x	x	5	2,5	0,75	15
44	010352	Hồ Bảo Hoàng	x	x	x	3,25	2	2,5	14,75
45	010161	Phan Cường		x	x		2,5	2	15,25
46	011244	Dương Hoàng Thịnh	x	x	x	4	3	1,5	15,25
47	010418	Trần Minh Huy	x	x	x	2,25	2,25	3,75	15

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
48	030250	Trần Thị Minh Duyên	x			7			29,63
49	030671	Nguyễn Đỗ Ngân Khánh		x			6,75		29,5
50	081383	Nguyễn Văn Khôi Nguyên	x			3,75			29,63
51	030679	Trần Bảo Khánh	x		x	5,75		6	28,13
52	080283	Lương Thị Thùy Diễm	x			6,75			33,13
53	031207	Huỳnh Bá Hy Phát	x	x		4,5	5,75		29,5
54	031941	Nguyễn Thị Hoàng Vỹ	x	x	x	6,75	6,5	6,25	29,5
55	080325	Nguyễn Văn Ngọc Dũng	x		x	5,75		7	28,75
56	030635	Hồ Nguyên Khang		x			6,75		29,5
57	031563	Lê Anh Thư		x			6,5		29,25
58	030581	Võ Văn Anh Huy	x			5			29
59	030309	Phạm Ngọc Đoan	x			5,75			29,5
60	031906	Trần Quang Vũ	x			4,75			28,25
61	031236	Trương Thanh Phong	x	x	x	6,5	6,25	7	29,5
62	030081	Trần Quỳnh Anh	x			6,5			29,25
63	020680	Phạm Thế Vinh	x		x	5,25		2,75	19,25
64	020312	Huỳnh Đại Lực	x	x	x	3,5	6	3	19,25
65	020512	Nguyễn Quang Tấn Tài	x	x	x	3,5	4,75	1,5	15,75
66	020535	Nguyễn Thị Bích Thảo	x	x	x	4	3,75	2	16,5
67	020554	Nguyễn Cường Thịnh	x	x	x	4,25	3,25	4,25	19,25
68	020384	Nguyễn Thị Phương Ngọc	x	x	x	4,25	2,25	1,5	14,75
69	020019	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh			x			2,25	15,75
70	020123	Hoàng Ngọc Hà	x		x	4,5		2,25	16,75
71	030383	Lê Hồ Bảo Hân	x	x	x	7,25	7,5	2,75	26,75
72	030580	Võ Đức Huy	x	x	x	5	4,88	6,5	26,38
73	080277	Trịnh Mạnh Cường		x	x		4	6	25

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
74	031791	Trần Nguyễn Nhã Trúc	x		x	5,75		6,5	27
75	081359	Lâm Phúc Nguyên		x			8,75		34,75
76	031716	Phạm Đoàn Bảo Trân		x			5		25,25
77	030204	Nguyễn Đình Dân	x	x		6,25	4,75		27
78	031714	Nguyễn Phạm Bảo Trân	x			6			27,13
79	030442	Đoàn Ngọc Mỹ Hoa		x	x		4,75	7	26,5
80	031286	Nguyễn Hà Phương		x	x		5,5	6,25	26,5
81	031522	Phạm Văn Thịnh	x			5,25			27,13
82	081107	Nguyễn Thị Tuệ Mẫn		x	x		3,13	3,25	20,63
83	030613	Phan Nguyễn Chấn Hưng	x		x	5		4,25	27
84	010230	Nguyễn Anh Đạt	x	x		6,25	5		27
85	010784	Phạm Khánh Ngân		x	x		5,75	4,25	27
86	010675	Đào Thị Hồng Minh	x		x	7,25		4,75	27,5
87	010700	Trần Thị Bình Minh	x	x	x	6,5	4,5	6,5	27,5
88	010979	Phạm Tấn Phát	x	x	x	6,25	5,75	5,5	27,5
89	010481	Nguyễn Quang Khang	x	x		5	4,88		27,38
90	010436	Nguyễn Đăng Hùng	x	x	x	5,25	5,75	7,25	27,5
91	081598	Nguyễn Minh Phương	x			7,25			29,75
92	081767	Nguyễn Huỳnh Mai Thảo	x	x	x	7	3,25	7	27,25
93	010054	Nguyễn Thị Lan Anh			x			4,5	27,38
94	081566	Nguyễn Lê Bảo Phúc	x	x		5,25	5,75		27
95	080773	Nguyễn Nho Anh Khang	x	x		6,5	4,25		27,5
96	010072	Trần Nguyên Trâm Anh	x	x	x	5,5	5,25	5,75	26,5
97	010420	Trần Quốc Huy	x	x	x	5,5	5,25	5,75	26,5
98	011094	Lê Ngọc Tú Quyên	x		x	5,5		5,5	26,63
99	081658	Đoàn Lưu Thục Quyên	x			6			27,25

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
100	010930	Trịnh Gia Nhi	x	x		7,25	4,5		27,25
101	010897	Cao Phan Yến Nhi	x		x	7		5	27,5
102	010361	Nguyễn Phúc Quý Hoàng	x	x	x	4,75	6,88	6,75	27,38
103	031630	Đinh Viết Tiến	x	x	x	5	1,75	1,75	16,5
104	030657	Hồ Phương Khanh	x			3,5			15,75
105	031362	Lê Ngô Thanh Quỳnh	x			4,5			16,75
106	031795	Nguyễn Văn Trường	x	x	x	3,25	4	2	16
107	031408	Lê Anh Tài		x	x		2,75	4,5	15,75
108	030974	Hồ Thị Thanh Nga	x	x	x	4	1,75	3,25	15,75
109	030402	Lê Tấn Hồng Hậu	x	x	x	3	2,88	3	15,88
110	030942	Phan Đỗ Trà My	x		x	3,5		2,5	15,5
111	030776	Phạm Phú Hoàng Lâm	x			3,5			16,75
112	031952	Nguyễn Ngọc Yến	x	x	x	4,25	1,75	2,75	15,75
113	031942	Nguyễn Xuân Vỹ	x	x	x	3	1,75	4	15,75
114	020689	Nguyễn Mai Nhật Vy		x	x		3,25	1	16
115	020491	Võ Nguyễn Thảo Quyên	x		x	2,5		1,75	15,5
116	020160	Nguyễn Thị Thu Hiền	x	x	x	3,75	2,25	2,5	16
117	020047	Lê Thị Thu Bình	x	x	x	3,25	2,75	2	15,75
118	010282	Lê Anh Hào	x	x	x	3,25	2,25	2,25	14,75
119	011019	Ngô Gia Phúc	x	x	x	2,25	4,25	1,25	14,75
120	011098	Nguyễn Thanh Quỳnh Bảo Quyên			x			3,25	15,25
121	011484	Trần Hoàng Thiên Tú	x	x	x	4,5	2,25	0,75	15
122	011420	Nguyễn Minh Trí	x	x	x	4,25	2	1,75	15
123	010031	Huỳnh Hoàng Anh	x	x	x	3	2	2,25	15,25
124	010932	Võ Phương Nhi			x			2,25	14,75

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
125	011037	Đặng Anh Phương	x			5,75			15,25
126	011089	Trần Hải Duy Quốc	x	x	x	4,5	3	4	19
127	070570	Nguyễn Ngọc Khánh Ngân	x	x	x	2,5	2,5	1,75	13,5
128	070201	Đặng Thị Ngọc Hà	x			4,5			16,75
129	071000	Huỳnh Anh Tú	x	x	x	2,25	3,5	2,25	14
130	070986	Huỳnh Anh Tuấn	x		x	1,75		2,75	15,25
131	070219	Phan Ngô Diễm Hằng	x	x		4	2,75		15
132	070741	Võ Nguyên Phương	x	x	x	3	3,5	3,75	16,75
133	070108	Nguyễn Thuỳ Châm	x	x	x	3	1,25	3,25	14,5
134	070746	Đặng Đào Anh Quân	x	x	x	3,75	3,5	3	16,75
135	070295	Huỳnh Văn Vĩnh Huy	x	x	x	3,25	2,75	2,25	15,25
136	050210	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	x	x	x	3,5	2	1	13,25
137	050289	Trần Công Đức	x	x	x	2,75	3	2,75	15,75
138	050407	Nguyễn Ngọc Hòa	x	x	x	4,5	1,5	2	16
139	050358	Hoàng Nguyễn Văn Hiếu	x	x	x	4,75	1,25	2,75	16
140	050419	Hồ Gia Huy	x			3			16
141	050300	Phan Thị Thu Hà	x	x	x	4,75	2,5	2,25	18
142	050822	Trương Hoàng Khánh Ngọc	x	x	x	4	5,25	0,5	16
143	050945	Nguyễn Thị Quỳnh Như	x			5,25			18,25
144	050784	Lê Đức Nghĩa	x	x	x	3,5	2,25	1,75	14,75
145	051132	Lê Phương Thanh			x			2,5	18
146	051358	Trương Đặng Bảo Trâm	x	x		2,75	1,5		16
147	051357	Trần Ngọc Trâm	x	x	x	3,5	2	3,5	17
148	051412	Hà Quang Trường	x	x	x	3,25	2,25	2,75	15,25
149	051383	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	x	x		4,5	1,75		15
150	051484	Trần Lê Phương Uyên	x	x		3	2,75		16

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
151	051550	Phan Nguyễn Tường Vy	x	x	x	5,25	2	2	16
152	060630	Phạm Nguyên Kha	x			4			23,5
153	061216	Trần Quốc Phú	x			4,25			22
154	061283	Lê Hồng Quân	x		x	6		4,25	23,25
155	061006	Lê Bảo Ngọc	x		x	5		4,25	23,5
156	060582	Võ Hồng Huy	x			4,75			23,5
157	060411	Huỳnh Lâm Gia Hân	x	x	x	5,75	4,38	4	22,63
158	061764	Mai Hoàng Vũ	x	x	x	3,5	3,75	5	19,25
159	060042	Hoàng Thị Hồng Anh	x	x	x	5,75	4,5	4	22,75
160	060009	Ngô Kiều An	x		x	3		3,25	17,75
161	060903	Nguyễn Vươn Nhật Minh	x			4,25			19,25
162	061815	Lê Đỗ Như ý	x	x		3,5	3,5		17,5
163	061762	Phan Vĩnh	x	x		3,75	3,25		21,75
164	080530	Trần ái Nguyên Hân	x	x	x	6,5	6,63	8	31,13
165	081373	Nguyễn Minh Nguyên	x	x		6,75	6,5		31,75
166	080962	Nguyễn Tấn Kỳ		x	x		8,25	7,5	31,75
167	080305	Phạm Tiến Duy	x			5,75			31,13
168	081070	Trần Nguyên Long	x			5,75			31,25
169	080242	Dương Quỳnh Chi	x		x	6,5		6,75	31,75
170	080892	Trương Anh Khoa	x	x	x	4,5	8	9	31,5
171	081202	Hồ Duy Nam	x	x	x	5,5	8,75	7,5	31,75
172	080638	Ngô Gia Huy	x	x		5,75	7,25		31,5
173	081896	Lương Lê Bảo Thy	x	x		6	7,5		31,25
174	081384	Nguyễn Văn Toàn Nguyên	x	x	x	6,5	8,5	6,75	31,75
175	080236	Phan Nguyễn Minh Châu	x			6			30,75
176	081657	Đinh Ngọc Tô Quyên	x	x		6,5	8,38		31,88

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
177	080633	Lê Văn Khánh Huy	x			4,75			31,63
178	080815	Lê Phú Khánh	x		x	6,75		8,75	35,25
179	081046	Võ Đào Khánh Linh			x			6,5	31,25
180	081659	Đỗ Hoàng Bảo Quyên	x			6,5			30,88
181	081015	Nguyễn Bảo Linh	x			6,25			30,25
182	082094	Lê Minh Tú	x	x		6	6,25		30,5
183	081653	Mai Huỳnh Anh Quốc	x		x	5,75		6,5	30,38
184	081769	Nguyễn Thanh Thảo	x		x	7,5		7,75	31,75
185	080219	Lê Tổng Minh Châu	x	x		5,5	7,25		31
186	081003	Hồ Pha Lê	x		x	7,5		6,25	31,75
187	080622	Hoàng Anh Huy	x	x		6,5	7,13		31,88
188	081478	Nguyễn Thái Ngọc Nhi	x			5,75			31,88
189	082161	Đỗ Nguyên Diệu Vân	x	x	x	5,5	8,25	8,25	31,75
190	081050	Nguyễn Thị Như Loan	x		x	8,25		7	31
191	080506	Ngô Lê Bảo Hân	x	x	x	7,25	6,88	4	27,13
192	080226	Nguyễn Hải Châu	x	x	x	6,5	7,25	8,25	31,75
193	080527	Phạm Nguyễn Gia Hân	x	x	x	6	7,5	8,5	31,75
194	080736	Phan Thị Quỳnh Hương	x			4,75			31,5
195	081907	Trần Vũ Anh Thy	x	x	x	7	8,75	5,5	31,25
196	080804	Đoàn Bảo Khánh	x	x	x	7	8	7,25	31,75
197	080497	Huỳnh Châu Khả Hân		x	x		7,75	6,25	31,75
198	080099	Nguyễn Tuấn Anh			x			7,5	31,75
199	080881	Nguyễn Minh Khoa			x			8,25	31,75
200	081473	Nguyễn Ngọc Khánh Nhi		x			7		31,75
201	081372	Nguyễn Lê Hạnh Nguyên	x	x	x	6	3,25	4,5	23
202	080155	Đặng Ngọc Gia Bảo	x	x		6,75	4,5		29,25

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
203	081971	Ngô Quỳnh Trâm	x		x	7,25		7,5	31,75
204	081240	Nguyễn Hoàng Bảo Ngân	x	x	x	6	8,25	7,5	31,5
205	080228	Nguyễn Minh Châu	x	x		6	6,25		31,25
206	081606	Trương Lê Mai Phương	x			5,25			31
207	080048	Đào Văn Anh	x		x	7		6,25	31,75
208	080375	Trần Phúc Hải Đăng	x	x	x	7,25	9,5	6	31,75
209	081927	Nguyễn Trần Tiến	x			5			31,13
210	082085	Bùi Thanh Tùng	x		x	5,75		7,5	31,75
211	081051	Đào Duy Long	x	x		6,25	7,25		31,75
212	081063	Nguyễn Thái Long	x			6,25			31,75
213	080764	Nguyễn Đăng Khang	x			6,5			31,88
214	081001	Trương Cao Hoàng Lân	x			6			31,75
215	080753	Huỳnh Hiểu Khang	x		x	5		5,75	29,5
216	080960	Võ Ngọc Hoàng Kim	x	x		7	6,75		31,5
217	082000	Nguyễn Thị ánh Trân	x			6			31,25
218	080777	Nguyễn Vinh Khang	x	x	x	6	6,25	8,5	30,75
219	080147	Phan Nho Hoàng Bách	x			5,5			31,88
220	080076	Ngô Phương Thùy Anh	x			6,25			31,5
221	081310	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	x			7			31,88
222	080864	Huỳnh Thanh Khoa	x	x		6,5	8,13		31,88
223	081169	Lương Nguyễn Hà My			x			5	30,75
224	080581	Hồ Sỹ Hoàng	x	x	x	6,5	7,63	7,5	31,63
225	082222	Trịnh Tường Vy	x	x	x	6,5	7,5	7,75	31,75
226	082113	Bùi Bảo Uyên	x	x	x	6,5	7,63	7	30,88
227	081669	Trần Trí Bảo Quyên	x	x		6,5	6,75		31,5
228	081886	Nguyễn Hoàng Thương	x	x	x	6,75	8,25	6,25	31,25

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
229	080299	Phạm Phương Dung	x			6,5			31,5
230	080510	Nguyễn Gia Hân		x			6,75		31,5
231	081236	Nguyễn Bảo Ngân	x	x	x	6,25	6,75	8,75	31
232	080517	Nguyễn Ngọc Gia Hân	x	x		7	8,38		31,63
233	080887	Nguyễn Văn Nguyên Khoa	x	x		5,75	7,13		31,38
234	082339	Ngô Kiên Thành	x		x	4,75		9,25	32,25
235	082072	Nguyễn Thế Tuấn		x			6,88		31,38
236	081291	Huỳnh Trần Khánh Ngọc	x			5,5			31,5
237	080093	Nguyễn Phạm Quỳnh Anh	x	x		5,25	7,25		31,25
238	081738	Nguyễn Việt Thanh	x	x	x	7,25	7,13	6,75	30,63
239	080448	Trần Huỳnh Thanh Hà			x			6	31,75
240	080191	Nguyễn Ngọc Khánh Băng	x			5,75			31,5
241	080883	Nguyễn Trần Nguyên Khoa			x			6,75	30,5
242	080986	Nguyễn Phúc Lâm			x			6,75	30,25
243	081111	Dương Hoàng Minh	x	x		5,5	7		30,25
244	080928	Đoàn Minh Kiên	x			4,5			30,5
245	081417	Bùi Thiện Nhân	x			6,25			31,13
246	081869	Phạm Nguyễn Minh Thư	x		x	6		8	31,25
247	081082	Phạm Công Luận	x	x	x	6,5	6	8,25	30,5
248	082225	Diệp Hoàng Vỹ	x		x	5,75		6,5	31,25
249	081837	Hồ Nguyễn Anh Thư	x		x	7,5		7,5	31,75
250	080551	Nguyễn Đức Hiếu	x			5,75			31,25
251	080576	Vương Thị Quỳnh Hoa	x	x	x	7,5	6,5	7,5	31,5
252	080139	Ngô Trần Bảo Ân	x	x	x	6	8,25	6,75	31
253	081216	Phạm Quốc Nam	x	x	x	7	7	7,5	30,5
254	080915	Võ Nguyên Khôi		x			7,5		33,75

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
255	080707	Lê Xuân Hưng	x	x		6,5	6,75		31,75
256	080229	Nguyễn Ngọc Minh Châu	x			6,25			31,88
257	081096	Nguyễn Ngọc ánh Mai	x			6,25			31
258	081737	Nguyễn Ngân Thanh	x	x	x	7,5	5,63	8,75	31,88
259	082193	Trần Khôi Vĩ	x	x		6,5	7,38		31,88
260	081607	Võ Lê Nhật Phương	x			6			30,63
261	081238	Nguyễn Hoàng Ngân	x		x	7		6,75	31,25
262	080692	Nguyễn Nam Hùng		x			7,75		31,75
263	082243	Nguyễn Phước Như ý	x	x	x	6,25	7	8,5	31,75
264	080225	Nguyễn Hà Minh Châu	x	x		6,5	6		31
265	081474	Nguyễn Ngọc Thảo Nhi	x	x	x	5,75	8,75	7,25	31,25
266	080583	Lê Huy Hoàng	x	x		6,25	7,75		30,5
267	081217	Trần Đăng Nam	x	x	x	3	5	6,5	23,25
268	082001	Nguyễn Trần Bảo Trân	x			6			31,25
269	081560	Lê Tấn Phúc			x			6,5	31,25
270	080087	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	x			5,75			30,63
271	080246	Huỳnh Đăng Chi		x	x		7,13	6,75	31,13
272	081805	Nguyễn Phước Thịnh	x			6,5			35
273	081976	Phan Ngọc Bảo Trâm	x	x		6,5	6,88		31,38
274	081426	Nguyễn Đình Nhân			x			7,25	31,5
275	081277	Cao Nhã Ngọc	x	x		6	5,25		30,25
276	080714	Nguyễn Lê Khải Hưng	x	x	x	6,75	6,75	7,75	31,25
277	080324	Nguyễn Trọng Dũng	x	x	x	5,5	7	7,75	30,25
278	080919	Nguyễn Hồ Minh Khuê	x	x		7	7,75		31
279	080631	Lê Quang Huy	x		x	8		6	30,13
280	082126	Lý Nhã Uyên	x	x	x	7	7,13	7,5	31,63

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
281	080128	Trương Minh Anh	x			5			31,75
282	080340	Nguyễn Thị Thuỳ Dương	x	x		5,75	6,75		30,5
283	080436	Nguyễn Hoàng Hà	x	x		7	7		31,5
284	081718	Lưu Ngọc Khánh Tâm		x	x		5,25	8,25	31,5
285	080660	Phạm Ngọc Minh Huy		x	x		6,5	8,25	29,75
286	080873	Lê Tự Đăng Khoa	x	x	x	7	7,25	6,25	30,5
287	081005	Đỗ Khánh Linh	x	x	x	8	6,63	6,75	31,38
288	030104	Hứa Văn Thiên Bảo	x	x	x	3,5	1,5	3	15
289	031938	Đặng Mai Nguyên Vỹ	x		x	2		4,75	18,38
290	031693	Thái Nguyễn Bảo Trâm	x	x	x	4	1,75	2,5	15,75
291	031446	Đặng Quang Thái	x		x	2,5		2	17,5
292	031419	Lê Thanh Tâm	x		x	1,5		1,75	15,25
293	030517	Huỳnh Đắc Bảo Huy			x			2,75	16,75
294	030800	Nguyễn Hoàng Tuệ Linh			x			2,75	17,5
295	031654	Lê Thị Minh Trang	x	x	x	4,25	2,25	2,5	16
296	030276	Phùng Thị Thùy Dương	x		x	6		4,5	21,5
297	030927	Lê Kiều Hà My	x	x	x	3,5	4	5,25	21,25
298	030378	Nguyễn Trần Minh Hằng	x		x	3,75		4	21,63
299	031321	Nguyễn Hoàng Quân	x	x	x	7	2	3,75	21,25
300	070048	Nguyễn Hoàng Thùy Anh	x	x		5	3,75		22,25
301	070089	Nguyễn Cao Thiên Bảo	x	x	x	5,25	4,63	5,75	24,63
302	070099	Nguyễn Trần Khánh Băng	x		x	6,25		4,5	24,5
303	070139	Thống Doanh Doanh	x			6,25			24,5
304	070188	Trần Hữu Đức	x			5,25			24,25
305	070209	Đỗ Thanh Hải	x	x	x	3,75	5,5	6,25	24,5
306	070241	Nguyễn Ngọc Gia Hân	x	x	x	6,5	4	5,5	24,25

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
307	070360	Nguyễn Văn Triệu Khang	x	x	x	5,25	5,5	4,5	24,25
308	070364	Phạm Vĩnh Khang	x	x	x	6	4,5	4,75	24,5
309	070387	Phạm Bảo Khánh	x	x	x	5,5	4,63	5,5	24,13
310	070421	Văn Đức Anh Khôi	x	x	x	6	4,75	4,5	24,5
311	070599	Nguyễn Bích Ngọc	x	x	x	6,75	4,25	4,5	24,5
312	070720	Nguyễn Quang Phúc	x	x	x	3,75	4,5	1,75	16,75
313	070793	Nguyễn Khánh Thành Tài		x	x		3,5	4,25	24
314	070842	Nguyễn Văn Thịnh			x			5	24,5
315	070934	Lê Nguyễn Bảo Trâm	x	x	x	7	3,25	5,25	24,5
316	070935	Lê Nguyễn Quỳnh Trâm		x	x		3	5,5	23,5
317	070970	Nguyễn Thị Phương Trinh	x	x	x	5	5,63	4,75	24,63
318	071031	Nguyễn Hữu Hoàng Vũ	x	x		4,75	5		24,5
319	081432	Nguyễn Thiện Nhân		x			4,75		24
320	060573	Quách Quyền Anh Huy	x		x	3,5		3,5	20
321	061138	Nguyễn Thảo Nhi		x	x		3	2,5	19,25
322	060840	Nguyễn Phan Vạn Lộc	x	x	x	4,5	4,25	4,5	20,75
323	061638	Nguyễn Thị Tố Trinh		x	x		1	2,25	18
324	060602	Lưu Gia Hưng	x	x	x	3,5	4,75	3,25	18,5
325	060466	Văn Phú Minh Hiếu	x	x	x	4	1,5	4,25	18,25
326	060608	Nguyễn Quang Hưng	x		x	4		4,25	21
327	060078	Nguyễn Phạm Vân Anh		x	x		2,75	4,75	20
328	061551	Phan Chân Tĩnh	x		x	3		4,5	21
329	060607	Nguyễn Lê Chánh Hưng	x		x	4,75		4	21
330	060127	Đoàn Gia Bảo	x			6,5			25
331	060186	Hồ Ngọc Bảo Châu	x			5,25			25
332	060195	Nguyễn Ngọc Bảo Châu	x	x	x	5,75	2,25	5	20,75

TT	Số báo danh	Họ tên	Môn đăng ký phúc khảo (Đánh dấu X)			Kết quả phúc khảo			
			Ngữ Văn	Ngoại ngữ	Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ	Toán	Điểm xét tuyển
333	060351	Nguyễn Trương Trúc Giang	x	x	x	4,5	3,25	4,5	20,75
334	060420	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	x		x	5,25		4,5	25,13
335	060429	Phan Vũ Gia Hân	x	x		5,25	3,5		25
336	060609	Nguyễn Quang Thanh Hưng	x	x	x	5,5	5,25	4,75	24,5
337	060638	Huỳnh Văn Nhật Khang	x			4,5			25
338	060802	Phan Thùy Linh			x			4,25	25
339	060912	Võ Bảo Minh		x	x		6,38	4	24,38
340	061000	Hồ Bảo Ngọc	x	x		5,75	5,25		24,75
341	061209	An Gia Phú	x	x		4	5,25		20,75
342	061231	Trần Hà Hữu Phúc	x	x	x	5,5	6,88	4,25	24,38
343	061506	Trần Ngọc Minh Thư	x	x	x	6,75	3,88	4,25	24,13
344	061518	Đỗ Nguyên Bảo Thy	x	x	x	5	5	3	21
345	080298	Nguyễn Thị Hồng Dung	x	x	x	8	7,25	6,75	31,75

Danh sách này có 345 thí sinh./.

Phụ lục 2

(Đính kèm Công văn số: /SGDDĐT-QLCL ngày /7/2025 của Giám đốc Sở GDĐT)

**KẾT QUẢ PHÚC KHẢO BÀI THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 10 THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN
NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Số báo danh	Họ và tên	Môn thi đề nghị phúc khảo	Điểm môn chuyên sau phúc khảo	Ghi chú
1	0352	Phạm Quỳnh Anh	Hóa học	4,75	
2	0440	Phạm Hữu Minh Quân	Hóa học	4,8	
3	0450	Nguyễn Trần Tiến	Hóa học	5,15	
4	0372	Nguyễn Hữu Minh Đức	Hóa học	4,65	
5	0442	Đoàn Thị Diễm Quỳnh	Hóa học	2,35	
6	0447	Dương Hoàng Minh Thư	Hóa học	3,63	
7	0871	Bùi Nguyễn Thiên Ân	Lịch sử	7,38	
8	0786	Bùi Thị Bảo Nhi	Ngữ văn	4,75	
9	0673	Đỗ Thành Chương	Ngữ văn	4,75	
10	0674	Lương Thị Thùy Diễm	Ngữ văn	5,5	
11	0467	Huỳnh Gia Bảo	Sinh học	3,38	
12	0503	Huỳnh Ngọc Thảo Nguyên	Sinh học	2,13	
13	0505	Phan Ngọc Hà Nguyên	Sinh học	4,38	
14	0481	Huỳnh Phan Minh Huy	Sinh học	4,5	
15	0471	Nguyễn Trọng Dũng	Sinh học	4,75	
16	0532	Lê Phạm Hoàng Vy	Sinh học	5	
17	0464	Ngô Trần Bảo Ân	Sinh học	4,25	
18	1034	Nguyễn Ngọc Khuyên	Tiếng Anh	3,5	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Môn thi đề nghị phức khảo	Điểm môn chuyên sau phức khảo	Ghi chú
19	0935	Nguyễn Trần Thiên Ân	Tiếng Anh	5,15	
20	1067	Nguyễn Thiên Minh	Tiếng Anh	5,25	
21	0559	Lê Phú Khánh	Tin học	4,75	
22	0550	Trần Minh Hoàng	Tin học	4,95	
23	0156	Trần Linh Phong	Toán	5	
24	0032	Trương Công Tấn Dũng	Toán	5,25	
25	0194	Nguyễn Phước Thịnh	Toán	5	
26	0229	Hoàng Thiên Trường	Toán	6	
27	0184	Ngô Kiên Thành	Toán	6,25	
28	0114	Nguyễn Phúc Long	Toán	4,5	
29	0011	Phan Nho Hoàng Bách	Toán	5,5	
30	0045	Mai Nguyễn Trung Hiếu	Toán	5,5	
31	0300	Nguyễn Thị Trà My	Vật lí	2,88	

Danh sách này có 31 thí sinh./.